

QUYỀN TIẾP CẬN VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU LƯU TRỮ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN NAY

ĐỖ VĂN HỌC (*)
VŨ THỊ KIM CÚC (**)

Tóm tắt: Quyền tiếp cận và sử dụng thông tin trong tài liệu lưu trữ của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở Việt Nam ngày càng được khẳng định thông qua hệ thống văn bản từ Hiến pháp - văn bản có giá trị pháp lý cao nhất cho đến các luật có liên quan. Luật Lưu trữ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025 có quy định về quyền tiếp cận và sử dụng thông tin trong tài liệu lưu trữ; quy định này không chỉ có ý nghĩa đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân ở Việt Nam mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với người nước ngoài có nhu cầu nghiên cứu, làm việc, học tập và trải nghiệm về Việt Nam.

Từ khóa: Lưu trữ Việt Nam; quyền tiếp cận thông tin; quyền sử dụng thông tin; sử dụng tài liệu lưu trữ.

Abstract: The right to access and use information in archival documents of agencies, organizations and individuals in Vietnam is increasingly affirmed through the system of documents from the Constitution - the document with the highest legal effect to related laws. The Law on Archives, effective from July 1, 2025, stipulates the right to access and use information in archival documents. This provision is not only meaningful for agencies, organizations and individuals in Vietnam but also has important significance for foreigners who need to research, work, study and experience Vietnam.

Keywords: Vietnam archives; right to access information; right to use information; use of archival documents.

Ngày nhận bài: 10/5/2025 Ngày biên tập: 05/6/2025 Ngày duyệt đăng: 18/6/2025

1. Khái quát về quyền tiếp cận thông tin và sử dụng thông tin

Quyền tiếp cận thông tin (hay còn gọi là quyền tự do thông tin) được ghi nhận như một trong những quyền cơ bản của con người và được các văn kiện pháp lý quốc tế xếp trong nhóm các quyền dân sự - chính trị.

Khái niệm quyền được thông tin xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1766 tại Thụy Điển trong Luật về Tự do báo chí. Đến thế kỷ thứ XX, khái niệm này được ghi nhận trong hai công ước

quốc tế là Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người của Liên hợp quốc năm 1948 và Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966. Đây là hai văn kiện pháp lý quốc tế có tính chất nền tảng ghi nhận các quyền pháp lý cơ bản của con người về dân sự, chính trị và quyền tiếp cận thông tin được coi là những quyền cơ bản nhất trong nhóm các quyền dân sự, chính trị đó.

Tiếp đó, quyền tiếp cận thông tin tiếp tục được ghi nhận trong nhiều văn bản quốc tế quan trọng khác như: Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003, Tuyên bố Rio về Môi trường và phát triển năm 1992, Công ước UNECE về tiếp cận thông tin môi trường.v.v. Trên bình diện quốc tế, khu vực cũng như ở phạm vi quốc gia, quyền tiếp cận

(*) TS; Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

(**) ThS; Phân viện Học viện Hành chính và Quản trị công tại Thành phố Hồ Chí Minh

thông tin ngày càng được công nhận rộng rãi. Nhiều điều ước, hiệp ước quốc tế, văn bản pháp luật, kế hoạch hành động, các tuyên bố quốc tế đã đưa ra những yêu cầu có tính ràng buộc hoặc khuyến nghị các quốc gia thành viên ban hành văn bản pháp luật ghi nhận quyền được thông tin. Ngày càng có nhiều quốc gia công nhận tầm quan trọng của tiếp cận thông tin không chỉ với tư cách là một trong những quyền cơ bản của con người mà còn là một công cụ quan trọng góp phần nâng cao khả năng điều hành của chính phủ, tăng cường tính minh bạch, phòng, chống tham nhũng trong hoạt động của các cơ quan chính phủ.

Ở Việt Nam, trước khi có Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, quyền được thông tin của công dân đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1992, Hiến pháp năm 2013, nhưng chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào giải thích khái niệm và nội hàm của quyền này. Một số văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành chỉ quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc công khai, minh bạch một số thông tin trong một số lĩnh vực cụ thể hoặc quyền của báo chí yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin về các vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của cơ quan, tổ chức đó. Tham chiếu Công ước của Liên hợp quốc về các quyền dân sự, chính trị quy định về *quyền tự do biểu đạt, quyền tự do ngôn luận*, quy định của pháp luật Việt Nam trước khi có Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 đã ghi nhận ở những mức độ khác nhau trong các lĩnh vực cụ thể của quyền tự do ngôn luận. Cụ thể như sau:

- *Quyền tự do tìm kiếm, trao đổi thông tin*: đối với các cá nhân, tổ chức, ngoài việc tìm kiếm thông tin bằng các phương tiện nghe, nhìn và thông tin trong văn bản, tài liệu, sách, báo truyền thống thì việc tìm kiếm thông tin có thể thực hiện thông qua mạng internet.

- *Quyền tiếp cận thông tin thông qua việc các cơ quan nhà nước công bố, công khai thông tin do mình nắm giữ* được thể hiện trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau như tại khoản 3 Điều 3 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Bảo đảm tính công khai trong quá trình xây dựng, ban hành văn

bản quy phạm pháp luật trừ trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước, bảo đảm tính minh bạch trong các quy định của pháp luật”.

- *Quyền tiếp nhận thông tin bằng cách yêu cầu cung cấp thông tin*: cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu cung cấp thông tin mà các cơ quan công quyền đang nắm giữ, trừ các thông tin mật như Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 ghi nhận quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

- *Quyền phổ biến thông tin*: Luật Xuất bản năm 2012 đã quy định nguyên tắc bảo đảm quyền phổ biến tác phẩm và bảo hộ quyền tác giả. Theo đó, Nhà nước bảo đảm quyền phổ biến tác phẩm dưới hình thức xuất bản phẩm thông qua nhà xuất bản và bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Quyền tiếp cận thông tin và sử dụng thông tin trong tài liệu lưu trữ theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và Luật Lưu trữ năm 2024

Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 nhằm thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng về “mở rộng dân chủ, bảo đảm quyền công dân, quyền con người”, “tạo cơ chế nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, nhất là dân chủ trực tiếp”, “bảo đảm quyền được thông tin” của công dân; cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các luật khác có liên quan. Luật đã giải thích các khái niệm “*Thông tin* là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra”; “*Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra* là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản”; “*Tiếp cận thông tin* là việc đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp thông tin”; “*Cung cấp thông tin* bao gồm việc cơ quan nhà nước công khai

thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân”. Như vậy, Luật Tiếp cận thông tin có nội dung bao hàm việc tiếp cận thông tin và sử dụng thông tin trong tài liệu lưu trữ, cụ thể hơn là tài liệu lưu trữ do các cơ quan lưu trữ của Nhà nước trực tiếp quản lý.

Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 bên cạnh những quy định chung và quy định điều khoản thi hành còn tập trung quy định về những nội dung cơ bản sau đây:

Thứ nhất, công khai thông tin, gồm các quy định về thông tin phải được công khai, hình thức, thời điểm công khai thông tin, việc công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, trên phương tiện thông tin đại chúng, đăng Công báo, niêm yết và xử lý thông tin không chính xác.

Thứ hai, cung cấp thông tin theo yêu cầu, gồm các quy định về loại thông tin được cung cấp theo yêu cầu; hình thức yêu cầu cung cấp thông tin; hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu; tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin và từ chối yêu cầu cung cấp thông tin; trình tự, thủ tục cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin, trình tự cung cấp thông tin thông qua mạng điện tử, trình tự, thủ tục cung cấp thông tin thông qua dịch vụ bưu chính, fax và xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác.

Thứ ba, trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, gồm các quy định về các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân; trách nhiệm của cơ quan cung cấp thông tin trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin; trách nhiệm của Chính phủ, các bộ và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định của Luật; có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu đã được nhập vào danh mục và phải xếp loại theo cách thức, hình thức tạo thuận lợi cho việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân; bảo đảm thông tin có thể được lưu trữ điện tử, phải được số hóa trong một thời hạn

thích hợp và được để mở cho mọi người tiếp cận; đồng thời, phải kết nối với mạng điện tử trên toàn quốc để có thể truy cập dễ dàng từ các hệ thống khác nhau. Quy định về trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin bằng việc củng cố, kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu tại trụ sở cơ quan nhà nước và qua mạng điện tử⁽¹⁾. Như vậy, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 là văn bản pháp lý cao nhất quy định cụ thể, chi tiết về tiếp cận thông tin.

Từ cơ sở nền tảng của Hiến pháp năm 2013, Luật Lưu trữ năm 2011 và Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Lưu trữ năm 2024, chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025 để thay thế Luật Lưu trữ năm 2011. Luật Lưu trữ năm 2024 chính thức sử dụng thuật ngữ “*Tiếp cận thông tin trong tài liệu lưu trữ*” và quy định về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với việc tiếp cận và sử dụng thông tin trong tài liệu lưu trữ. Sử dụng tài liệu lưu trữ là một trong những nội dung đặc biệt quan trọng của công tác lưu trữ đã được Luật khẳng định và đề cao nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Quyền tiếp cận thông tin và sử dụng thông tin trong Luật Lưu trữ năm 2024 có những nội dung cơ bản sau đây:

Một là, quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân được tiếp cận thông tin trong tài liệu lưu trữ chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định của pháp luật; được sử dụng thông tin trong tài liệu lưu trữ để phục vụ công tác, nghiên cứu khoa học, lịch sử và nhu cầu hợp pháp khác. Điểm tiến bộ trong nội dung này là Luật không chỉ tiếp tục khẳng định quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân được tiếp cận thông tin trong tài liệu lưu trữ mà còn nhấn mạnh đến quyền được sử dụng thông tin chính xác, đầy đủ và kịp thời theo quy định của pháp luật.

Hai là, việc tiếp cận thông tin trong tài liệu lưu trữ tại các lưu trữ hiện hành ở mỗi cơ quan, tổ chức được thực hiện theo quy định

của pháp luật về tiếp cận thông tin. Đây là quy định mới và mở rộng phạm vi thực hiện các nội dung như công khai thông tin, cung cấp thông tin, trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân theo Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 vào thực tế công tác lưu trữ ở các cơ quan, tổ chức. Quy định này là một bước tiến của Luật Lưu trữ năm 2024 so với Luật Lưu trữ năm 2011 trên nền tảng Việt Nam đã có Luật Tiếp cận thông tin năm 2016.

Ba là, cơ quan, tổ chức, cá nhân được tiếp cận thông tin trong tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử theo quy định của Luật Lưu trữ năm 2024. Luật đã quy định quyền được tiếp cận thông tin trong tài liệu lưu trữ, tiếp cận có điều kiện nếu sử dụng tài liệu có thể ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích quốc gia, dân tộc, quan hệ quốc tế; trật tự, an toàn xã hội; đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng sau khi có ý kiến của cơ quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ và UBND cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác lưu trữ. Ngoài ra, một quy định mới cũng được xác định là tài liệu lưu trữ tư đang được lưu trữ tại lưu trữ lịch sử được tiếp cận khi có sự đồng ý của chủ sở hữu.

Bốn là, quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức, lưu trữ lịch sử có trách nhiệm công khai danh mục hồ sơ, tài liệu lưu trữ; công khai, minh bạch danh mục tài liệu lưu trữ tiếp cận có điều kiện. Theo đó, Bộ Nội vụ phê duyệt danh mục tài liệu tại lưu trữ lịch sử nhà nước, Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt danh mục tài liệu tại lưu trữ lịch sử cấp tỉnh; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao phê duyệt danh mục tài liệu lưu trữ tiếp cận có điều kiện của ngành Quốc phòng, ngành Công an, ngành Ngoại giao.

Năm là, quy định một nội dung riêng về phát huy giá trị tài liệu lưu trữ. Nội dung này nhấn mạnh việc đề cao trách nhiệm chủ động của các cơ quan, tổ chức nói chung, cơ quan lưu trữ nói riêng trong việc phát huy, lan tỏa giá trị của tài liệu lưu trữ trong đời sống xã hội. Mặt khác, những quy định này cũng đánh dấu sự thay đổi căn bản về nhận thức là không chỉ giữ gìn, phục vụ

sử dụng tài liệu lưu trữ mà còn có ý nghĩa hết sức tiến bộ và nhân văn là đảm bảo và thúc đẩy quyền tiếp cận thông tin của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Quyền tiếp cận thông tin là một quyền thiêng liêng, quan trọng của con người được ghi nhận trên thế giới và Việt Nam. Những văn bản luật như Luật Tiếp cận thông tin, Luật Lưu trữ được Quốc hội thông qua đã thể hiện sự tiến bộ từ quan điểm, tổ chức thực hiện sử dụng tài liệu lưu trữ có vị trí là một nghiệp vụ chuyên môn của công tác lưu trữ đến bước phát triển mới của “mở rộng dân chủ, bảo đảm quyền công dân, quyền con người”, “tạo cơ chế nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ, nhất là dân chủ trực tiếp”, “bảo đảm quyền được thông tin” của công dân. Những văn bản pháp luật này thể hiện sự cụ thể hóa tinh thần và nội dung của Hiến pháp năm 2013 về công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các luật khác có liên quan./.

Ghi chú:

(1) Quốc hội, *Luật Tiếp cận thông tin*, H.2016.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Kim Dung, *Chính sách sử dụng tài liệu lưu trữ ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia, 2019.

2. Trần Việt Hà, *Nghiên cứu hiệu quả công bố tài liệu lưu trữ ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lưu trữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2019.

3. Bùi Thị Hải, *Quyền tiếp cận thông tin trong quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, H.2016.

4. Lâm Thu Hằng, *Nghiên cứu hoàn thiện thể chế sử dụng tài liệu lưu trữ ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lưu trữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023.

5. Quốc hội, *Luật Tiếp cận thông tin năm 2016*.

6. Quốc hội, *Luật Lưu trữ năm 2024*.